TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Nhiêu Phong;

2. Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXX ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thanh N, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số nhà 112, tổ 2, ấp Thuận Bình, xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Mai Thành T, sinh năm: 1982; địa chỉ: Ấp Thuận Hòa, xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14 tháng 6 năm 2019, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thanh N trình bày:

Chị và anh T tự nguyện sống chung từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng hơn một năm nay phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T xúc phạm và không tôn trọng chị N. Anh T thường xuyên ghen tuông và đe dọa giết chị N. Anh em chồng xúc phạm chị anh T cũng không bảo vệ được. Lần mâu thuẫn trầm trọng nhất là ngày 20-10-2018, anh T đã dùng dao đòi cắt cổ chị. Chị N đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh T từ đó cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Mai Trần Bảo N, sinh ngày: 16-02-2018. Ly hôn chị xin nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Mai Thành T trình bày:

Anh và chị N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Do em dâu của anh T mượn tiền chị N không trả nên xảy ra mâu thuẫn. Anh không bênh vực được nên chị N giận. Tháng 11/2018, chị N xin đi du lịch nhưng chụp hình chung với bạn trai đăng lên facebook. Vợ chồng sống chung thỉnh thoảng chị N lại nhắc đến số nợ em dâu mượn để nói anh. Khi anh uống rượu say về có đe dọa sẽ cắt cổ chị N. Do sợ nên chị N đã đưa con về cha mẹ ruột sống và ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Anh cũng biết lỗi, nhiều lần xin chị N quay về sống chung nhưng chị N không về. Anh vẫn còn thương chị N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Mai Trần Bảo N, sinh ngày: 16-02-2018. Ly hôn anh xin nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N được quyền thăm con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến đề nghị: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T; Về con chung: Giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị khác: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nga có đơn xin giải quyết vắng mặt. Anh T đã được Tòa án Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt chị N, anh T theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh T xác định tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Truông Mít, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Chị N, anh T sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ghen tuông vô cớ. Chị N mâu thuẫn tiền bạc với chị em chồng nhưng anh T không bênh vực được chị. Cuối năm 2018, anh T đã đe dọa cắt cổ chị. Chị N đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh T từ đó cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Anh T có ý kiến xin đoàn tụ vợ chồng nhưng sau đó Tòa án mời lên làm việc nhiều lần nhưng anh T không lên để hàn gắn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng chị N, anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ vợ chồng. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh T.

[4] Về con chung: Chị N, anh T xác định có 01 con chung là Mai Trần Bảo N, sinh ngày: 16-02-2018. Hiện con chung đang sống cùng với chị N. Ly hôn chị N, anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tòa án mời anh T nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án để hòa giải về con chung. Cháu N hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử giao con chung cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu có ý kiến: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T; Về con chung: Giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nga là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Trần Thanh N với anh Mai Thành T. Chị Trần Thanh N được ly hôn với anh Mai Thành T.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Mai Trần Bảo N, sinh ngày: 16-02-2018. Giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thanh N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị N đã nộp theo biên lai thu số 0011907 ngày 18-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị N đã nộp xong án phí.

5. Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. Huyện Dương Minh Châu;
- CCTHADS. Huyện Dương Minh Châu;
- UBND. Xã Truông Mít;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng